

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 82/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2021, thông báo dời phiên tòa số 182/TB-TA, ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thánh G, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp Phú Hữu 2, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Huyền N, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Tổ 9, khóm Long Quới C, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/02/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Thánh G trình bày: Về hôn nhân tôi với Bùi Thị Huyền N tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, tôi với cô N tổ chức lễ cưới vào tháng 6 năm 2020, chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 42/2020, ngày 24/6/2020. Trong khi chờ đến ngày

cưới thì cô N bỏ đi mất không lý do cho đến nay đã hơn 08 tháng không về. Tình cảm của tôi đối với cô N không còn, yêu cầu ly hôn với cô N.

- Về con chung: Tôi với cô Nhi chưa có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi với cô N không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị Huyền N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do;

Biên bản xác minh ngày 06/4/2021 của bà Trần Kim Dung là Chi hội trưởng Chi Hội phụ nữ khóm Long Quới C, phường Long Phú cung cấp về tình trạng hôn nhân của anh G với chị N thể hiện: Chị N với anh G cưới nhau vào năm 2020, hai người đi đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND phường Long Phú. Sau khi cưới nhau được vài ngày thì chị N tự bỏ nhà đi, còn nguyên nhân vì sao, mâu thuẫn thế nào thì không biết.

Biên bản xác minh ngày 06/4/2021 của ông Bùi Út H là cha ruột chị N cung cấp thông tin: Giữa chị N với anh G trước đây hai người đều có một đời chồng, vợ và đã đều ly hôn. Sau khi ly hôn xong thì G và N yêu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý nên có làm một tiệc nhỏ ra mắt gia đình hai bên và có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Phú. Sau đám cưới thì G và N sống với nhau hai, ba ngày thì N bỏ đi cho đến nay, nguyên nhân là do N đã có yêu người khác.

Biên bản xác minh ngày 11/5/2021 Công an phường Long phú cung cấp: Chị Bùi Thị Huyền N, sinh năm 1994 có hộ khẩu thường trú tại tổ 09, ấp Long Quới C, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, chị N vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do chị N vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 06/4/2021 của Chi hội trưởng Chi Hội phụ nữ khóm Long Quới C, phường Long Phú, biên bản xác minh ngày 06/4/2021 của ông Bùi Út H, biên bản xác minh của Công an phường Long Phú ngày 06/4/2021, biên bản không lấy được lời khai của chị N.

Tại phiên tòa, anh G giữ nguyên yêu cầu, chị N vắng mặt,

Anh G xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; chị N không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thánh G và chị Bùi Thị Huyền N có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau được 03 ngày thì chị N bỏ đi cho đến nay. Anh G với chị N đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Anh Nguyễn Thánh G khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” với chị Bùi Thị Huyền N, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Tổ 9, khóm Long Quới C, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 11/5/2021 Công an phường Long phú cung cấp: Chị Bùi Thị Huyền N, sinh năm 1994 có hộ khẩu thường trú tại tổ 09, ấp Long Quới c, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, chị N vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Sự vắng mặt của đương sự: Chị Bùi Thị Huyền N vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thánh G với chị Bùi Thị Huyền N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2020, ngày 24/6/2020. Xét, hôn nhân giữa anh G và chị N là hợp pháp.

Anh G khai, Về hôn nhân giữa anh G với Bùi Thị Huyền N tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, anh G với chị N tổ chức lễ cưới vào năm 2020. Trong khi chờ đến ngày cưới thì chị N bỏ đi mất không lý do cho đến nay đã hơn 11 tháng không về. Tình cảm của anh G đối với chị N không còn, yêu cầu ly hôn với chị N.

Biên bản xác minh ngày 06/4/2021 của bà Trần Kim D là Chi hội trưởng Chi Hội phụ nữ khóm Long Quới C, phường Long Phú cung cấp về tình trạng hôn nhân của anh G với chị N thể hiện: Chị N với anh G cưới nhau vào năm 2020, hai người đi đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND phường Long Phú. Sau khi cưới nhau được vài ngày thì chị N tự bỏ nhà đi, còn nguyên nhân vì sao, mâu thuẫn thế nào thì không biết.

Biên bản xác minh ngày 06/4/2021 của ông Bùi Út H là cha ruột chị N cung cấp thông tin: Giữa chị N với anh G trước đây hai người đều có một đời chồng, vợ và đã đều ly hôn. Sau khi ly hôn xong thì G và N yêu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý nên có làm một tiệc nhỏ ra mắt gia đình hai bên và có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Phú. Sau đám cưới thì G và N sống với nhau hai, ba ngày thì N bỏ đi cho đến nay, nguyên nhân là do N đã có yêu người khác.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Anh G với chị N cưới nhau được 03 ngày thì chị N bỏ anh G đi cho đến nay, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của anh G ly hôn đối với chị N.

[3] Về con chung: Giữa anh Nguyễn Thánh G với chị Bùi Thị Huyền N chưa có con. Không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh G khai giữa anh với chị N không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này chị N cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị N với anh G có tài sản, nợ chung thì chị N vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Thánh G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh G được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số TU/2019/0006751 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Chị Bùi Thị Huyền N không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thánh G.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thánh G được ly hôn với chị Bùi Thị Huyền N;

Giấy chứng nhận kết hôn 42/2020, ngày 24/6/2020 do UBND phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Bùi Thị Huyền N với anh Nguyễn Thánh G không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Anh Nguyễn Thánh G với chị Bùi Thị Huyền N chưa có con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này chị Bùi Thị Huyền N cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị N với anh G có tài sản, nợ chung thì chị N vẫn có quyền khởi kiện anh G ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác

Về án phí: Anh Nguyễn Thánh G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh G được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số TU/2019/0006751 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu. Chị Bùi Thị Huyền N không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh Nguyễn Thánh G có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của chị Bùi Thị Huyền N là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND phường Long Phú
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh